

THIẾT BỊ ĐIỆN

Thiết bị điện Mitsubishi

(Chưa có thuế VAT)

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN MẠI LINH

Địa chỉ 31/1 đường 53, tổ 52C, KP8, P. Hiệp Bình Chánh, Q. Thủ Đức, TP.HCM

Điện thoại 08.37268237; Fax: 08.37268214

Mã hàng	Công suất (KW)	Đơn giá (VND)	Mã hàng	Công suất (KW)	Đơn giá (VND)
Biến áp			PLC (bộ điều khiển lập trình logic)		
FR-D720S-0,1K	0,1	5.732.000	FR-A740-22K		77.089.000
FR-D720S-0,2K	0,2	6.394.000	FR-A740-30K		122.797.000
FR-D720S-0,4K	0,4	7.004.000	FR-A740-37K		147.427.000
FR-D720S-0,75K	0,75	7.475.000	FR-A740-45K		171.997.000
FR-D720S-1,5K	1,5	9.063.000	FR-A740-55K		196.507.000
FR-D720S-2,2K	2,2	11.018.000	FX1S-10MR	6-4	5.078.000
Biến áp (Ngoại áp: 3 phase 200-240V 50/60HZ, ngoại áp: 3 phase 200-240V 50/60HZ)			FX1S-14MR	8-6	6.218.000
FR-D720-0,2K	0,2	5.613.000	FX1S-20MR	12-8	7.672.000
FR-D720-0,4K	0,4	5.807.000	FX1S-30MR	16-14	9.990.000
FR-D720-0,75K	0,75	6.035.000	FX1N-14MR	8-6	8.832.000
FR-D720-1,5K	1,5	7.189.000	FX1N-24MR	14-10	9.855.000
FR-D720-2,2K	2,2	8.699.000	FX1N-40MR	24-16	15.095.000
FR-D720-3,7K	3,7	9.345.000	FX1N-60MR	36-24	17.980.000
FR-D720-5,5K	5,5	19.992.000	FX2N-16MR	8-8	12.454.000
FR-D720-7,5K	7,5	25.111.000	FX2N-32MR	16-16	18.450.000
Biến áp (Ngoại áp: 3 phase 380-400V 50/60HZ, ngoại áp: 3 phase 380-400V 50/60HZ)			FX2N-48MR	24-24	23.058.000
FRD740-0,4K	0,4	9.983.000	FX2N-64MR	32-32	26.515.000
FRD740-0,75K	0,75	10.246.000	FX2N-80MR	40-40	30.666.000
FRD740-1,5K	1,5	11.711.000	FX2N-128MR	64-64	40.352.000
FRD740-2,2K	2,2	13.620.000	FX3U-16MR	8-8	12.454.000
FRD740-3,7K	3,7	17.155.000	FX3U-32MR	16-16	18.450.000
FRD740-5,5K	5,5	20.215.000	FX3U-48MR	24-24	23.058.000
FRD740-7,5K	7,5	27.574.000	FX3U-64MR	32-32	26.515.000
FR-E740-0,4K	0,4	13.145.000	FX3U-80MR	40-40	30.666.000
FR-E740-0,75K	0,75	14.229.000	FX3U-128MR	64-64	40.352.000
FR-E740-1,5K	1,5	16.663.000	FX1S-10MT	6-4	5.781.000
FR-E740-2,2K	2,2	20.830.000	FX1S-14MT	8-6	6.218.000
FR-E740-3,7K	3,7	25.635.000	FX1S-20MT	12-8	8.200.000
FR-E740-5,5K	5,5	30.756.000	FX1S-30MT	16-14	10.615.000
FR-E740-7,5K	7,5	40.371.000	FX1N-14MT	8-6	8.832.000
FR-E740-11K	11	48.318.000	FX1N-24MT	14-10	11.818.000
FR-E740-15K	15	54.614.000	FX1N-40MT	24-16	18.108.000
Biến áp (Ngoại áp: 3 phase 380-480V 50/60HZ, ngoại áp: 3 phase 380-480V 0.2-400HZ)			FX1N-60MT	36-24	22.248.000
FR-A740-0,4K		19.259.000	FX2N-16MT	8-8	12.454.000
FR-A740-0,75K		21.743.000	FX2N-32MT	16-16	18.450.000
FR-A740-1,5K		24.274.000	FX2N-48MT	24-24	23.058.000
FR-A740-2,2K		24.345.000	FX2N-64MT	32-32	26.515.000
FR-A740-3,7K		24.519.000	FX2N-80MT	40-40	32.324.000
FR-A740-5,5K		29.800.000	FX2N-128MT	64-64	47.578.000
FR-A740-7,5K		34.014.000	FX3U-16MT	8-8	12.454.000
FR-A740-11K		39.018.000	FX3U-32MT	16-16	18.450.000
FR-A740-15K		48.170.000	FX3U-48MT	24-24	23.058.000
FR-A740-18,5K		60.428.000	FX3U-64MT	32-32	26.515.000
			FX3U-80MT	40-40	32.324.000
			FX3U-128MT	64-64	47.578.000
Ma hàng			Ma hàng		
Contacto (khả năng tải pha, nguồn điện 220V)	Doanh nghiệp (A)	Đơn giá (VND)	S-N180	180	7.935.000
S-N10	10	383.000	S-N220	220	8.388.000
S-N12	12	460.000	S-N300	300	13.751.000
S-N20	20	685.000	S-N400	400	17.829.000
S-N25	25	910.000	S-N600	600	44.490.000
S-N35	35	987.000	S-N800	800	59.218.000
S-N50	50	1.968.000	Relay nhai ba pha vi qua tải (3 pha)		
S-N65	65	2.117.000	TH-N12	0,12-11	349.000
S-N80	80	3.025.000	TH-N20	0,24-19	391.000
S-N95	95	3.404.000	TH-N20TA	22,29,35	432.000
S-N125	125	4.782.000	TH-N60	15,22,29,35,42,54	606.000
S-N150	150	6.349.000	TH-N60TA	67,82,95	662.000

TH-N120	42,54,67,82	940.000	TH-N400RH	105,125,150,180,250,330	2.686.000
TH-N120TA	105,125	1.050.000	TH-N600	250,330,500,660	606.000
TH-N220RH	82,105,125,150,180,210	2.285.000			
Chuāg loaā	Áún giá(VND)		Chuāg loaā	Áún giá(VND)	
Button 1NO & 1NC	19.000		Cōng tũc ON/OFF	25.000	
Cōng tũc xoay 2 vớ trớ 1NO&1NC	19.500		Coāhuā 220VAC	30.000	
Cōng tũc xoay 3 vớ trớ 2NO&2NC	25.700		Button kính núúá 3P 30A	70.000	
Button (ăă LED) 1NO & 1NC	39.000		Coāhuā 24VDC	30.000	
Ăă baă (ăă LED)	7.000		Coāhuā 220VAC	15.000	
Cōng tũc xoay 2 vớ trớ 1NO&1NC	19.500		Relay 11 chên troā coăă 24VDC	30.000	
Cōng tũc xoay 3 vớ trớ 2NO&2NC	25.700		Relay 11 chên troā không ăă 24VDC	25.000	
Nuānhêê sớ u khên 1NO & 1NC	21.600		Relay 8 chên đêp nhoă ăă 24VDC	18.000	
CTX ăă Led 2 vớ trớ 1NO&1NC	39.600		Relay 8 chên đêp lúá không ăă 220VDC	18.000	
CTX ăă Led 3 vớ trớ 1NO&1NC	40.000		Ăi đ chên đêp nhoă	10.000	
CTX ăă Led 2 vớ trớ 1NO&1NC	39.600		Ăi đ chên đêp lúá	10.000	
CTX ăă Led 3 vớ trớ 1NO&1NC	40.000		Ăi đ relay mũá núúá 8 chên troā	36.000	
Loaā coăă Led 1NO&1NC	37.500		Relay mũá núúá 8 chên troā 220VAC	233.000	
Loaā không ăă 1NO&1NC	23.500		Cōng tũc hăh trính		
Cōng tũc chũa 2 vớ trớ 1NO&1NC	36.500		KH – 8005S	100.000	
Cōng tũc chũa 3 vớ trớ 1NO&1NC	37.000		KH – 8005 – CPR	100.000	
A-01 (Red) 1NC, A-10 (Green) 1NO	6.200		KH – 8005R	100.000	
AC220V & DC24V	14.000		KH – 8010S	270.000	
Haāg Weldmuller củă Ăúá			KH – 9015 – HR (S)	30.000	
Relay 14 chên	56.000		KH – 9015 – HR (M)	30.000	
Ăi đ 4 chên đêp nhoă	31.000		KH – 9015 – HR (L)	30.000	
Relay 8 chên	53.000		KH – 9015 – HL	30.000	
Ăi đ chên đêp nhoă	25.000		KH – 9015 – HL (L)	30.000	
Socket Relay 2CO; Type: FS 2CO			KH – 9015 – CRP	30.000	
Nuānhêê 25	18.000		KH – 9016HR (S)	40.000	
CTX 25	18.000		KH – 9012 – PB ©	10.000	
Ăă baă coāng phớ 30	25.000		KH – 9012 – HR (S)	10.000	
Ăă baă trúá tũ đ 30	10.000		KH – 9012 – HR (M) C	10.000	
Button ăă 22 coāng phớ	30.000		KH – 6010 – 10 – 10A – 10P	20.000	
Tũ đ ăi m phủă 22 1NO-1NC	3.000		KH – 6020 – 4 – 20A – 4P	10.000	
Ăă baă trúá tũ đ 22	20.000		KH – 6020 – 6 – 20A – 6P	15.000	
CTX tuārađi 25	18.000		KH – 6020 – 10 – 20A – 10P	20.000	

Quy caāh	Áún giá	ÁVT	Quy caāh	Áún giá	ÁVT	Quy caāh	Áún giá	ÁVT
Ăōng hời– Volt & Ampe			TM – 20	150	ă/caă	12UF	12.000	ă/caă
50 x 50	32.500	ă/caă	TM – 25	290	"	14UF	13.000	"
80 x 80	32.500	"	TM – 30	350	"	16UF	15.500	"
72 x 72	65.000	"	TM – 40	680	"	18UF	15.000	"
96 x 96	73.500	"	SM – 25	3.600	"	20UF	17.500	"
RCT-35-30/5a-50/			SM – 30	4.300	"	25UF	21.800	"
5A-75/5A-100/5A	64.000	"	SM – 35	6.000	"	30UF	22.800	"
150/5A-200/5A-250/			SM – 40	6.300	"	35UF	27.900	"
5A-300/5A	64.000	"	SM – 51	6.600	"	40UF	31.500	"
RCT-58-300/5A-400/			SM – 76	17.500	"	45UF	36.500	"
5A-500/5A	89.000	"	Tuđ hỏp CB tếp			50UF	40.500	"
600/5A-800/5A-1.00/			Loaā– 3P – 6P	90.000	"	60UF	45.900	"
5A-1.200/5A	89.000	"	Loaā– 5P – 8P	150.000	"	Tuđ ABC 125VAC		
RCT-90-800/5A-1.000/			Loaā– 8P – 12P	200.000	"	ABC – 200 – 125VAC	15.000	"
5A-1.200/5A	137.000	"	Ăōng hời cōng tú ăi đ			ABC – 300 – 125VAC	18.900	"
1.500/5A-1.600/5A	137.000	"	5 – 20A	250.000	"	ABC – 400 – 125VAC	22.900	"
RCT-110-1.000/			10 – 40A	280.000	"	ABC – 600 – 125VAC	28.600	"
5A-1.200/5A	195.000	"	Tuđ hỏm CBB65 – 370VAC			ABC – 800 – 125VAC	42.600	"
1.500/5A-1.600/5A	195.000	"	10UF	17.000	"	ABC – 1.000 – 125VAC	50.000	"
Cêu chớ sũá			15UF	20.000	"	ABC – 1.200 – 125VAC	62.000	"
2A	1.300	"	20UF	22.000	"	Tuđ ABS 250VAC		
3A	1.300	"	25UF	25.000	"	ABS – 200 – 250VAC	24.900	"
5A	1.300	"	30UF	30.000	"	ABS – 300 – 250VAC	31.600	"
6A	1.300	"	35UF	34.000	"	ABS – 400 – 250VAC	36.000	"
10A	1.300	"	40UF	37.000	"	ABS – 600 – 250VAC	49.800	"
16A	1.300	"	45UF	41.000	"	ABS – 800 – 250VAC	68.800	"
20A	1.300	"	50UF	48.000	"	ABS – 1.00 – 250VAC	80.000	"
25A	1.300	"	55UF	52.000	"	ABS – 1.200 – 250VAC	92.600	"
32A	1.300	"	60UF	55.000	"	Lũú đ qua đ 1T2	5.500	"
Ăi đ cêu chớ			Tuđ im CBB60 – 350VAC			Lũú đ qua đ 1T6	10.000	"
RT – 18	9.000	"	10UF	12.000	"	Lũú đ qua đ 2T	14.000	"
FS – 101	6.000	"						

KH - 6020 - 12 - 20A - 12P	25.000	KH - 6060 - 3 - 60A - 3P	20.000
KH - 6020 - 15 - 20A - 15P	30.000	KH - 60100 - 4 - 100A - 4P	50.000
KH - 6020 - 20 - 20A - 20P	40.000		
KH - 6030 - 10 - 30A - 10P	25.000		
